

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ VỊ THANH  
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2021/HNGĐ-ST

Ngày 24 – 02 - 2021

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VỊ THANH, TỈNH HẬU GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Trinh.

*Các Hội thẩm Nhân dân:*

Ông Nguyễn Thanh Liêm.

Ông La Thanh Long

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trương Thị N Dung - Thư ký Tòa án Nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án Nhân dân thành phố Vị Thanh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 250/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2021/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Trương Thị N. (có mặt)

Địa chỉ: ấp Thạnh Đông, xã Hòa Lự, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

**- Bị đơn:** Anh Lê Tiểu D. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Thạnh Đông, xã Hòa Lự, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Trương Thị N trình bày:*

Chị Trương Thị N và anh Lê Tiểu D tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào ngày 05/7/2004 tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Lự, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2019 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách không phù

hợp. Chị N và anh D đã ly thân từ năm đầu năm 2019 cho đến nay. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng đến mức không thể hàn gắn được nữa nên chị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị N được ly hôn với anh D.

Về con chung: có hai con chung tên Lê Bảo N1, sinh ngày 27/11/2007, giới tính nữ và Lê Bích N2, sinh ngày 21/10/2012, giới tính nữ. Các con chung hiện tại đang sống chung với chị N. Chị N yêu cầu được nuôi hai con chung, không yêu cầu anh D cấp dưỡng.

Về tài sản chung và về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

*Bị đơn anh Lê Tiểu D vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên không có ý kiến trình bày.*

*Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thành phố Vị Thanh tại phiên tòa phát biểu:* việc thu thập chứng cứ từ khi thụ lý vụ án của Thẩm phán, việc mở và điều khiển phiên tòa của Hội đồng xét xử tại phiên tòa là tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Chị Trương Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Tiểu D và yêu cầu được nuôi con chung. Đây là tranh chấp ly hôn, nuôi con được quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

Đối với anh Lê Tiểu D mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Lê Tiểu D.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị N và anh Lê Tiểu D tiến tới hôn nhân và đã đăng ký kết vào ngày 05/7/2004 tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Lự, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang nên quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh D là hợp pháp. Về yêu cầu xin ly hôn của chị N, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình chung sống, chị N và anh D thường xuyên xảy ra cãi vã nguyên nhân do tính cách vợ chồng không phù hợp làm cho cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng nên chị N đã ly thân với anh D từ đầu năm 2019 cho đến nay. Chị N và anh D đã không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa chị N vẫn giữ yêu cầu được ly hôn. Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N về việc được ly hôn với anh D.

[3] Về con chung: quá trình chung sống chị N và anh D có hai con chung tên Lê Bảo N1, sinh ngày 27/11/2007, giới tính nữ và Lê Bích N2, sinh ngày 21/10/2012, giới tính nữ. Hiện các cháu đang sống chung với chị N. Các cháu có nguyện vọng được sống với chị N sau khi chị N ly hôn với anh D. Các cháu có giới tính nữ nên giao cho chị N nuôi dưỡng sẽ phù hợp hơn đối với quá trình phát triển thể chất, tâm sinh lý cũng như tránh làm xáo trộn cuộc sống của các cháu. Ngoài ra, chị N hiện tại có việc làm và thu nhập ổn định, đủ khả năng nuôi dưỡng hai con chung. Sau khi cân nhắc việc đảm bảo tốt nhất quyền lợi của các cháu sau khi cha, mẹ ly hôn về các mặt vật chất, tình cảm và điều kiện chăm sóc, giáo dục, cũng như tránh làm xáo trộn cuộc sống các cháu, Hội đồng xét xử quyết định giao hai con chung cho chị N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Anh D chưa có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do chị N chưa yêu cầu.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trương Thị N phải chịu là 300.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 và Điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 19, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trương Thị N. Chị Trương Thị N được ly hôn với anh Lê Tiểu D.

2. Chị Trương Thị N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung tên Lê Bảo N1, sinh ngày 27/11/2007, giới tính nữ và Lê Bích N2, sinh ngày 21/10/2012, giới tính nữ. Anh D chưa phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do chị N chưa yêu cầu.

Anh Lê Tiểu D có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Tài sản chung, nợ chung đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: buộc chị Trương Thị N phải chịu là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, chị N được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006095 ngày 05/11/2020 của Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh. Chị N không phải nộp thêm.

5. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tòa án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND TP Vị Thanh;
- Chi cục THADS TP Vị Thanh;
- Các đương sự;
- UBND xã Hòa Lự, TP Vị Thanh, HG;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

**Huỳnh Thị Trinh**